

Số: 156 /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 5 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH-15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Thủy sản Minh Thắng tại văn bản số 017/CV.MT-2026 ngày 24 tháng 3 năm 2026, văn bản số 018/CV.MT-2026 ngày 24 tháng 3 năm 2026 về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 5632/TTr-SNN&MT ngày tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thủy sản Minh Thắng, địa chỉ tại: số 487, ấp Đồi Ma 2, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy chế biến và bảo quản thủy sản Minh Thắng, công suất 900 tấn sản phẩm/năm, địa chỉ: số 487, ấp Đồi Ma 2, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

a) Tên cơ sở: Nhà máy chế biến và bảo quản thủy sản Minh Thắng, công suất 900 tấn sản phẩm/năm.

b) Địa điểm hoạt động: số 487, ấp Đồi Ma 2, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1201049416 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 7 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp.

d) Mã số thuế: 1201049416.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất, chế biến thủy sản.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 17.132,1m².

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa, đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Công suất: 900 tấn sản phẩm/năm.

+ Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất: nguyên liệu → sơ chế → chế biến → cấp đông → bao gói → bảo quản → xuất bán.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

b) Bảo đảm giá trị giới hạn tối đa về tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

c) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

d) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thủy sản Minh Thắng được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thủy sản Minh Thắng có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay

việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *men*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- UBND xã Gia Thuận;
- Công ty TNHH Thủy sản Minh Thắng;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên.

5

KT. CHỦ TỊCH *men*
PHÓ CHỦ TỊCH

Luok
Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI
VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 156/GPMT-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng: 3,2m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: nước thải công nghiệp, lưu lượng: 85m³/ngày đêm bao gồm: nước thải từ hoạt động sản xuất; nước thải từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng, máy móc, thiết bị; nước thải từ hoạt động sử dụng nước đá.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

a) Nguồn tiếp nhận nước thải: rạch Cần Lộc (đoạn ngoài đê biển).

b) Vị trí xả nước thải: số 487, ấp Đồi Ma 2, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiếu 3°); X(m) = 1151160; Y(m) = 692129

c) Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày đêm

- Phương thức xả nước thải: bơm.

- Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột B, C_{max} = C, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản (áp dụng đến ngày 31/12/2031), QCVN 40: 2025/BTNMT, cột B, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (áp dụng kể từ ngày 01/01/2032), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
I	Kể từ thời điểm cấp Giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031			
1	pH	-	5,5 – 9	Không thuộc đối tượng
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
3	COD	mg/l	150	

4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	20		
5	BOD ₅ ở 20 ^o C	mg/l	50		
6	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	60		
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	20		
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	20		
9	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000		
10	Clo dư	mg/l	2		
II Kể từ ngày 01/01/2032 đến hết thời hạn của Giấy phép môi trường					
1	pH	-	6 – 9		Không thuộc đối tượng
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 80		
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 90		
4	Amoni (NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/L	≤ 10		
5	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20 ^o C)	mg/L	≤ 60		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 40		
7	Tổng phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 14		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 30		
9	Tổng Coliforms	MPN/10 0ml	≤ 5.000		
10	Clo dư	mg/L	≤ 2		
11	Chloroform (CHCl ₃)	mg/L	≤ 0,8		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: → bể tự hoại → hệ thống thu gom → hệ thống xử lý nước thải của cơ sở, công suất 100 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: → hệ thống thu gom → hệ thống xử lý nước thải, công suất 100 m³/ngày đêm.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải → bể điều hòa → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng hóa lý → bể sinh học kỵ khí UASB → bể sinh học hiếu khí → bể lắng bùn → bể trung gian → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: polymer, chlorine, PAC.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 46 Điều 1 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Phụ lục XXVIII kèm Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải định kỳ nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý.

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý.

- Biện pháp xử lý khi có sự cố:

+ Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Trong trường hợp sự cố hệ thống xử lý nước thải kéo dài sẽ ngưng hoạt động đến khi khắc phục xong mới cho hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm: tháng 5 năm 2026 đến tháng 8 năm 2026.

b) Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải của cơ sở, công suất 100m³/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu: ấp Đồi Ma 2, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiếu 3°); X(m) = 1151160; Y(m) = 692129

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5 – 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
3	COD	mg/l	150
4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	20
5	BOD ₅ ở 20°C	mg/l	50
6	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	60
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	20
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	20
9	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000
10	Clo dư	mg/l	2

c) Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 156/GPMT-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2026 Chủ tịch của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: nhà xưởng sản xuất 1.
- Nguồn số 02: nhà xưởng sản xuất 2.
- Nguồn số 03: máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 04: từ hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 05: từ hoạt động của khu máy nén.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

a) Tiếng ồn:

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 18h00)	Tối (từ 18h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	55	50	45	-	Khu vực B
2	60	55	50	-	Khu vực C
3	65	60	55	-	Khu vực D
4	70	65	60	-	Khu vực E

b) Độ rung:

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	65	60	-	Khu vực B

2	70	65	-	Khu vực C
3	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng tường xung quanh nhà xưởng sản xuất để hạn chế tiếng ồn phát ra môi trường xung quanh.

- Thực hiện cố định chân bá đỡ các máy móc nhằm giảm thiểu độ rung của các máy móc trong nhà xưởng.

- Công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn phải trang bị nút bịt tai chống ồn.

- Bảo dưỡng bôi trơn dầu mỡ vào các máy móc thiết bị để máy hoạt động êm, hạn chế phát sinh tiếng ồn, rung (định kỳ 01 tháng/lần).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phụ lục này.

Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 156/GPMT-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	20
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	200
3	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	10
4	Pin, ắc quy thải có thủy ngân	Rắn	19 06 03	5
Tổng khối lượng				235

b) Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	50
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	100
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	50
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	100
Tổng khối lượng				300

c) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: bao gồm phế phẩm thải ra từ quá trình chế biến thủy sản, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải, giấy carton vụn, nhãn màu, dây đai, mũ dẻo, can thùng, mũ dòn,

ùng hư, bao tay cao su, mũ xốp, ống nước, bao giấy, bao nilong, túi PE, thùng xốp khoảng 33.000kg/năm.

d) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 12 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho lưu chứa: 4,5 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: nền láng bê tông, mái che, vách tường. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho số 01 (chứa phụ phẩm):

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 8,7 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền láng bê tông, mái che, vách tường.

- Kho số 02 (chứa bao bì phế liệu):

+ Kích thước: 18,4 m².

+ Thiết kế: nền láng bê tông, mái che, vách tường.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng có nắp đậy thể tích các loại (loại 50 lít).

- Khu vực lưu chứa: bố trí khu vực tập kết các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt thuận lợi cho công tác thu gom.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 156/GPMT-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: không

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: không

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG: không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan./.